

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 23/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND tỉnh đối với 04 khu vực mỏ đất làm vật liệu san lấp, 01 khu vực mỏ sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng tại các xã: Nông Cống, Mậu Lâm, Ngọc Trạo, Tống Sơn;

Xét Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ngày 05/8/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 1291/TTr-SNNMT ngày 06/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hoá được tổ chức khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ đất làm vật liệu san lấp thuộc xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác:
 - a) Khoáng sản chính: Đất làm vật liệu san lấp.
 - b) Khoáng sản đi kèm: Không.
2. Phương pháp khai thác: Lộ thiên.
3. Không gian khai thác:
 - a) Diện tích khu vực khai thác: 5,205 ha.
 - b) Mức sâu khai thác: Từ + 52,0 m đến + 5,0 m.

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 - Bản đồ kèm theo.

4. Khối lượng khoáng sản được phép khai thác:
 - a) Khoáng sản chính: 480.000 m³.
 - b) Khoáng sản đi kèm: Không.
5. Thời gian khai thác: Đến ngày 31/12/2026.

6. Dự án, công trình, sử dụng khoáng sản: Dự án Tiêu vùng 3 Nông Cống (giai đoạn 2), tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hoá có trách nhiệm:

- Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan (nếu có) theo quy định hiện hành của pháp luật; chỉ được phép khai thác sau khi được cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất theo quy định, hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền vào Ngân sách nhà nước và các nghĩa vụ khác có liên quan.

- Tổ chức khai thác khoáng sản đúng khối lượng được cấp phép; bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật, an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác theo quy định của pháp luật; lắp đặt, duy trì vận hành, sử dụng camera giám sát, thiết

bị cân (bao gồm trạm cân hoặc thiết bị cân khác) hoặc thiết bị đo đặc để kiểm soát sản lượng khoáng sản đã khai thác phục vụ công tác thống kê, theo dõi, giám sát của UBND xã Nông Cống; kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản hàng tháng, trung thực, đầy đủ về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế tỉnh Thanh Hóa, UBND xã Nông Cống đảm bảo phù hợp với tiến độ thi công các dự án và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

- Thực hiện ký Biên bản cam kết với UBND xã Nông Cống về việc sử dụng, hoàn trả các tuyến đường của địa phương trong quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản; chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu để xảy ra việc vận chuyển vật liệu bằng phương tiện quá khổ, quá tải, rơi vãi vật liệu gây ảnh hưởng đến môi trường, kết cấu hạ tầng giao thông.

- Tổ chức vận chuyển, sử dụng khoáng sản đúng mục đích; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu sử dụng khoáng sản cho các công trình, dự án khác, không đúng mục đích đã được phê duyệt.

- Thực hiện công tác cải tạo phục hồi môi trường, đưa khu vực mỏ về trạng thái an toàn sau khi hoàn thành việc khai thác theo khối lượng, thời gian được cấp phép.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan khác về tính chính xác, tính pháp lý của nội dung tham mưu, thẩm định trình duyệt Giấy phép khai thác khoáng sản này theo đúng quy định của pháp luật.

- Khẩn trương thực hiện thủ tục trình duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và hướng dẫn đơn vị hoàn thành việc nộp các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành của pháp luật trước khi tiến hành khai thác tại khu vực mỏ.

- Hướng dẫn UBND xã Nông Cống giải quyết kịp thời các thủ tục về giao đất, cho thuê đất và các thủ tục có liên quan về đất đai theo quy định; phối hợp với UBND xã Nông Cống, các đơn vị liên quan giám sát quá trình hoạt động khai thác khoáng sản của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hoá theo quy định.

3. Trách nhiệm của UBND xã Nông Cống:

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến các thủ tục về đất đai để đưa mỏ vật liệu vào khai thác để đáp ứng nhu cầu sử dụng, cung cấp cho các dự án được Chủ tịch UBND tỉnh cấp phép.

- Chỉ đạo các lực lượng chức năng tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hoá; trong đó tổ chức theo dõi qua hệ thống camera giám sát do chủ mỏ lắp đặt, theo dõi sản lượng khai thác thực tế so với kê khai của đơn vị khai thác, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả giám sát của đơn vị mình.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng;
- Công an tỉnh;
- Thuế tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Nông Cống;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, CN (T08.20).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU KHU VỰC KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN MỎ ĐẤT XÃ NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HÓA**
(Kèm theo Giấy phép số /GP-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực 105° múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	2174 242,47	568 506,05
2	2174 282,49	568 523,13
3	2174 298,41	568 568,85
4	2174 290,63	568 632,18
5	2174 217,73	568 646,40
6	2174 140,16	568 626,18
7	2174 068,21	568 607,17
8	2174 008,52	568 582,63
9	2173 941,62	568 566,98
10	2173 902,10	568 524,06
11	2173 947,37	568 478,90
12	2174 006,97	568 444,95
13	2174 081,78	568 500,23
14	2174 151,56	568 432,61
15	2174 199,98	568 435,85
Diện tích: 5,205 ha		
Mức sâu khai thác cao nhất + 52,00 m Mức sâu khai thác thấp nhất + 5,00 m		